

ĐỂ LẠI GIÓ TRÊN ĐỜI

ĐỂ LẠI GIÓ TRÊN ĐỜI

Bản quyền tiếng Việt © Lưu Văn Mạnh, 2026

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

ĐỂ LẠI GIÓ TRÊN ĐỜI

— *Tự truyện* —

Lưu Văn Mạnh



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

Mục lục

.....

CHƯƠNG 1	Mầm sống giữa mùa đông khắc nghiệt	6
CHƯƠNG 2	Bước chân chập chững và tấm ảnh định mệnh ..	19
CHƯƠNG 3	Hai lần lớp Một và những ám ảnh đầu đời	31
CHƯƠNG 4	Chuyến đi Bờ Hồ và nỗi lòng người yếu thế	40
CHƯƠNG 5	Chiếc thuyền tuổi thơ giữa biển bão	53
CHƯƠNG 6	Căn nhà dột nát và ánh mắt đầu tiên.....	64
CHƯƠNG 7	Tiếng cười bên bờ sông Hòa Bình.....	76
CHƯƠNG 8	Ngộ nhận đẹp nhất cuộc đời	88
CHƯƠNG 9	Cái mác “da cam” và tiếng hét “thoát khỏi kiếp này”	100
CHƯƠNG 10	Tuổi mười bảy - những điều không dám nói.....	109
CHƯƠNG 11	Mật mã tỏ tình và hai tiếng “sợ thật”	126
CHƯƠNG 12	Khoảnh khắc muốn buông và học cách đứng dậy	138
CHƯƠNG 13	Những ngày lạc hướng về sự chấp nhận.....	149
CHƯƠNG 14	Cuộc gặp gỡ dưới tán bằng lăng.....	163

CHƯƠNG 15	Cái nắm tay đầu tiên và lời chia tay cay đắng... 175
CHƯƠNG 16	Góc khuất sau màn hình và dòng code cô đơn 188
CHƯƠNG 17	Từ những dòng chữ ảo đến một lời hẹn thật..... 199
CHƯƠNG 18	Cuộc gặp mặt phủ phàng ở Yên Nghĩa 211
CHƯƠNG 19	Nước mắt hạnh phúc và lời hứa năm năm221
CHƯƠNG 20	Ngày dài nhất đời tôi233
CHƯƠNG 21	Những ngày đầu của một gia đình nhỏ..... 247
CHƯƠNG 22	Bước nhỏ đầu tiên của một người đàn ông258
CHƯƠNG 23	Nỗi sợ vàng da và sự tái ngộ ở đám cưới269
CHƯƠNG 24	Bốn cây số đất lầy và nỗi đau khép lại.....280
CHƯƠNG 25	Lời hứa mái nhà và những tấm lòng ngang qua291
CHƯƠNG 26	Ác mộng báo trước và tiếng "rầm" trên cầu thang.....303
CHƯƠNG 27	Những điều không nói thành lời 314
CHƯƠNG 28	Một nhịp đời yên.....323
CHƯƠNG 29	Nơi để ở lại334
CHƯƠNG KẾT	Để lại gió trên đời349

Chương 1

.....

Mầm sống giữa mùa đông khắc nghiệt

Đêm ấy, mẹ tôi trở dạ giữa mùa đông lạnh buốt. Ngôi nhà nhỏ quê Hà Tây ngày ấy nằm lọt thỏm trong xóm đầu làng, xa xa là những rặng tre già nghiêng ngả trong gió. Mái ngói phủ rêu xanh, gió lùa hun hút qua những kẽ vỡ. Cánh cửa chỉ là tấm màn cũ bạc màu, mỗi khi gió thổi lại phập phồng như hơi thở dài. Chiếc giường gỗ tạp cũ kỹ, một ăn lỗ chỗ, mỗi lần ai trở mình, nó lại kêu kéo kẹt, nghe như tiếng than trong đêm. Cả căn nhà sực mùi ẩm mốc, mùi đất, mùi khói bếp, tất cả quyện lại thành một thứ hương ngai ngái - cái mùi đặc trưng của nghèo khổ.

Chiều hôm đó, mẹ đi dự đám cưới di Thanh - em ruột của mẹ. Trời rét thấu da, mưa phùn lất phất bay. Khi ra về, mẹ thấy đau bụng. Mẹ định nằm nghỉ lại nhà bà ngoại, nhưng rồi vẫn cố đi, chỉ khẽ nói:

- Con về đây mẹ, ở lại ông ấy mắng.

“Ông ấy” - tức bố tôi - người đàn ông thay đổi thất thường: có khi đang yên lành bỗng nổi giận, có khi mắng chửi, thậm chí đánh mẹ.

Đêm ấy, mẹ lên cơn đau dữ dội.

Bà ngoại hốt hoảng gọi cô Loan cùng mấy người hàng xóm chạy sang. Họ lục tìm mấy mảnh tã cũ, chiếc chăn màu đỏ cam đã sờn góc, rồi tất tả chuẩn bị đưa mẹ tôi lên trạm y tế gần đó. Đường làng tối om, bùn lầy trơn trượt, mỗi bước chân là một tiếng thở gấp đứt quãng.

Đến trạm y tế xã thì gần mười giờ đêm, trời mùa đông lạnh cắt da, ánh đèn dầu leo lét lay lắt trong gió.

Tôi chào đời vào giờ ấy - một thằng bé khôi ngô nhưng yếu ớt, da vàng như cọng rơm. Cô y tá bảo:

- Không sao đâu, trẻ con đứa nào chả thế, vài hôm là hết.

Mẹ tôi gật đầu, tin thế. Ở quê, người ta tin lời cán bộ y tế như tin một phép màu.

Sáng hôm sau, mẹ xin về. Mẹ gói tôi vào tấm chăn dạ cũ, rồi tự đi bộ bế tôi giữa sương mù trắng xóa.

Về đến nhà, khi mở chăn ra, ai cũng sững người - toàn thân tôi vẫn vàng suộm, từ mặt, tay đến cả mắt. Bà nội lo lắng, nhưng cô y tá bảo vàng da sinh lý thôi, không sao đâu.

Mãi sau này, tôi mới biết, vàng da sinh lý khác với vàng da bệnh lý. Cái bệnh mà nếu không được điều trị kịp thời, bilirubin - thứ chất có cái tên nghe xa lạ ấy - sẽ tăng lên, thấm vào máu, rồi tấn công não, khiến đứa trẻ co giật, tổn thương thần kinh. Lúc ấy, chẳng ai biết chuyện đó. Người ta nghĩ trẻ vàng da vậy thôi, cứ phơi nắng vài hôm là khỏi.

Sau này, khi có ai hỏi, tôi chỉ đáp qua loa: “Tôi bị sốt cao từ nhỏ, ảnh hưởng thần kinh.” Câu nói gọn lỏn, nghe tưởng như chẳng có gì, nhưng nó là tấm màn mỏng che đi cả một phần ký ức mà tôi không muốn ai chạm tới.

Mẹ kể, bố tôi khi đó tìm đâu được hai viên thuốc kháng sinh liều mạnh. Ông tin thuốc sẽ “giúp con cứng cáp hơn”, thế là tự tay cho tôi uống. Sáng hôm sau, mùi thuốc vẫn còn phảng phất trong hơi thở của tôi. Mẹ trách ông ấy, khóc suốt, nói rằng chính ông đã làm tôi ra nông nổi này.

Nhưng tôi, dù chẳng nhớ gì, chỉ nghe lời kể của mẹ vẫn tin có khi ông chỉ muốn cứu tôi, theo cách của một người loạn trí.

Không ai biết thật ra chuyện gì đã xảy ra. Có thể tôi khuyết tật vì liều thuốc ấy. Cũng có thể chỉ vì một cơn sốt cao, một cơn co giật do vàng da bệnh lý. Hoặc đơn giản là số phận chọn tôi để gieo thử thách.

Rồi nhiều năm sau, chẳng biết vô tình hay hữu ý, người ta lại gán cho tôi cái mác “nạn nhân chất độc màu da cam”.

Tôi nghe, chỉ cười. Bởi cả bố tôi lẫn tôi, chưa bao giờ được xếp vào diện ấy theo bất kỳ quy định nào của Nhà nước. Nhưng đôi khi, người đời vẫn cần một lý do để lý giải cho những điều họ không hiểu.

Một tuần sau, bố tôi lên xã làm giấy khai sinh cho tôi. Không hiểu sao, ông lại chọn cho tôi tên Mạnh - một cái tên nghe thật vững chãi, khác hẳn với vẻ ngoài gầy guộc, yếu ớt của tôi. Cái thằng bé chẳng khác gì cây sậy, cây lúa run rẩy giữa gió trời, vậy mà bố lại gọi nó là đình, là lim, là sến, là tấu.

Tôi họ Lưu, còn tên đệm hồi ấy, hầu như ai cũng lấy chữ Văn. Thế là tôi thành Lưu Văn Mạnh - một cái tên theo tôi suốt cả cuộc đời, như một lời trêu đùa hiền lành của số phận.

Tôi lớn lên với đôi tay run rẩy, bước đi xiêu vẹo, chữ viết như gió lạc trên trang vở. Lúc nhỏ, tôi hay hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, sao con khác mọi người?

Mẹ im lặng rất lâu, rồi chỉ khẽ nói:

- Tại kiếp trước con khổ, nên kiếp này mẹ thương con hơn người ta thôi.

Tôi không hiểu hết, chỉ thấy câu nói ấy ấm hơn bất kỳ chiếc chăn nào trong đêm rét. Và trong căn nhà cũ đột nát ấy, mẹ là ngọn lửa duy nhất không bao giờ tắt.

Những năm đầu đời của tôi bắt đầu trôi qua trong cái nghèo và sự yếu ớt.

Ngày ấy, nhà tôi nghèo đến mức chẳng có nổi một đôi dép lành. Mùa đông, chúng tôi vá áo bằng những mảnh vải màu nâu, đường chỉ trắng ngoằn ngoèo như vết thời gian hằn lên tấm lưng áo cũ. Mùa hè nằm ngủ trên chiếc giường gỗ mộc và chõng tre ọp ẹp; mỗi lần trở mình, nó kêu “cọt kẹt” - nghe như tiếng thở dài của tuổi thơ.

Nhưng trong cái nghèo đó, có một điều tôi luôn thấy ấm áp - đó là chị Nhung. Chị hơn tôi mấy tuổi, cũng gầy gò, ốm yếu, nhưng chẳng bao giờ biết than thở.

Ngày ấy, tôi chưa biết đi. Chân yếu, xương mềm, tay run, miệng nói chẳng rõ tiếng. Người ta bảo tôi là “thằng bé không lớn được”, mẹ thì lặng lẽ khóc, còn chị thì chỉ cười, xòe tay ra đỡ tôi như đỡ một món đồ quý.

Chị công tôi đi khắp nơi - ra ngõ, ra đồng, lên bờ ao, ra tận gốc gạo đầu làng. Tôi nhớ tấm lưng gầy nhon của chị, mồ hôi dính ướt lưng áo, và giọng chị cầu nhàu:

- Nặng như đá ấy, mày ơi.

Nhưng nói vậy thôi, chị vẫn công, ngày nào cũng công.

Còn tôi, ngồi trên lưng chị, là một đứa trẻ không biết đi nhưng lại muốn đi nhiều hơn ai hết. Thấy con bướm bay là chỉ tay đòi đuổi theo, nghe tiếng sáo diều là giẫy nảy muốn ra đồng. Có lần, nghe tiếng hàng kem toe toe ngoài ngõ, tôi lại chỉ tay đòi ăn. Mẹ thương, mua cho tôi một

chiếc. Chị Nhung cũng được ăn ké, nếu tôi không cho, chị liền dọa: “Không cho là chị không công nữa đâu nhé!” Thế là tôi lại chia cho chị một nửa, vừa ăn vừa cười toe toét.

Tôi chẳng biết nói, chỉ ú ớ rồi trở tay về hướng nào đó. Chị hiểu, lại lắc đầu:

- Biết đi thì tự mà đi.

Rồi vẫn công tôi đi.

Có lần, trời nắng chang chang, hai chị em ra bờ ao nhà ông Luân. Chị công tôi trên lưng, như bao ngày vẫn đi qua chỗ ấy. Hôm đó, trời vừa dứt mưa, đất còn trơn nhầy. Chị trượt chân, ngã nhào xuống mép ao. Chân tôi bị đập mạnh vào gốc dừa cạnh đó. Tiếng tôi khóc vang lên, xé toang cả buổi trưa oi ả.

Tối ấy, mẹ chạy tất tả đưa tôi đi bó bột. Cái chân bé tí quăn kín bột, trắng như ống tre non. Từ đó, tôi nằm liệt giường thêm mấy tháng.

Và nỗi lo của mẹ thì lớn dần lên theo từng ngày.

Năm tôi ba tuổi, vẫn chưa biết đi. Hôm ấy, mẹ cùng cậu Ngà đưa tôi ra Bệnh viện Nhi Trung ương khám.

Buổi chiều, khi vừa bước lên chiếc xe lam để đi Hà Nội, trời bỗng nổi một trận giông lớn. Mưa đổ ào ào, sấm chớp xé ngang bầu trời, sáng lóa như lửa.

Cả khung trời tối sầm lại, như thể báo trước điều gì đó. Một đêm gió, hay một lời tiên tri thầm lặng cho số kiếp của đứa trẻ bé bỏng ấy: suốt đời sẽ phải đối mặt với những cơn giông bão.

Trời mưa quá, hai mẹ con tôi và cậu đành ghé nhà bà Xuân xin ngủ nhờ một đêm, sáng hôm sau, khi mưa tạnh, mới tiếp tục lên đường đi khám.

Nhưng bệnh của tôi - di chứng từ những cơn sốt cao kèm co giật khi còn sơ sinh - làm sao mà chữa được?

Hôm đó, sau khi khám xong, mẹ lại ôm tôi về. Không phải vì hết hy vọng, mà vì người ta nói thật: “Không còn cách nào nữa.”

Bốn tuổi, tôi bò khắp nhà, như con mèo nhỏ đi tìm hơi ấm.

Năm tuổi, tôi mới chập chững những bước đầu tiên - xiêu vẹo như một đứa trẻ vừa tròn một tuổi tập đi. Nhưng đó là những bước chân đầu đời của chính tôi, run rẩy mà tự do.

Mẹ nói đó là phép màu.

Còn tôi nghĩ, đó là phần thưởng cho chị - người đã thay đôi chân tôi suốt những năm tháng đầu đời.

Tôi đã biết tự xúc cơm bằng thìa, dù mỗi lần xúc là cơm lại vãi tung tóe ra bàn. Chiếc thìa theo tôi đến tận lớp Sáu, cán thìa mòn vẹt một nửa, bóng nhẵn vì bàn tay tôi cầm mãi, như thể nó cũng đã già đi cùng tôi.

Mỗi lần đi ăn cưới, tôi đều phải thủ sẵn một chiếc thìa mang theo, để còn xúc cơm cho dễ. Nhìn người ta ăn bằng đũa nhẹ nhàng bao nhiêu, tôi lại càng thấy chiếc thìa nhỏ của mình trở thành một phần không thể tách rời trong cuộc đời bé dại ấy.

Ngõ nhà tôi nhỏ thôi, lát gạch loang lổ, hai bên là những bụi tre già quanh năm rì rào trong gió. Gần như cả ngõ đều là người họ Lưu, nhà nọ sát nhà kia. Ở quê ngày ấy, trẻ con lớn lên không chỉ trong vòng tay cha mẹ mà còn trong sự để mắt của cả xóm.

Vì chân tay yếu hơn bạn bè, tôi ít khi chạy nhảy được như những đứa trẻ khác. Những buổi chiều hè, tôi thường ngồi bên hiên nhìn lũ trẻ đuổi nhau ngoài ngõ, nghe tiếng cười vang lên giữa mùi rơm rạ và khói bếp. Có lúc cũng tủi thân, cũng ước mình chạy được nhanh như chúng.

Nhưng tuổi thơ vẫn có những niềm vui rất riêng. Cả xóm chỉ có một chiếc tivi màu ở đầu ngõ. Tối đến, mẹ lại dắt hai chị em sang xem nhò. Đám trẻ ngồi chen chúc trên chiếc phản gỗ, mắt tròn xoe dõi theo từng tập phim kiếm hiệp. Với lũ trẻ quê nghèo chúng tôi khi ấy, chiếc tivi nhỏ như mở ra cả một thế giới rộng lớn bên ngoài cánh đồng làng.

Giờ nghĩ lại, điều tôi nhớ nhất không phải là những bộ phim đã xem, mà là cảm giác được ngồi giữa tiếng cười của mọi người, được lớn lên trong một xóm nhỏ tuy nghèo

nhưng đầm ấm. Thời gian đã đi rất xa, nhưng mỗi khi nhớ về tuổi thơ, tôi vẫn nghe thấy tiếng dép lẹp lẹp trên con ngõ gạch cũ và thấy bóng mẹ lặng lẽ dắt hai chị em đi trong ánh chiều nhạt nắng.

Tôi sinh vào cuối năm 1987 - Đinh Mão, đúng vào thời khắc giao mùa. Nếu tính theo giấy khai sinh, ngày tháng năm sinh của tôi là 7/1/1988, vì dương lịch và âm lịch lệch nhau gần một tháng.

Mẹ bảo, năm ấy gió đổi hướng sớm. Có lẽ vì thế mà cả tuổi thơ tôi cũng chênh vênh, bấp bênh như một ngọn gió lạc - lúc dịu dàng, lúc tạt ngang vào những khúc quanh khó đoán của đời người.

Đến năm tôi lên năm, mẹ quyết định cho tôi đi học mẫu giáo cùng lứa sinh năm 1988. Bà nói:

- Nó yếu thì cho học cùng lứa cho chắc, kéo sau này chẳng theo kịp ai.

Thời ấy, làng tôi nhỏ thoi, ngõ đường đất đàn xen như rặng bừa, hai bên mọc đầy cây cúc tần và những bụi tre già.

Tôi chơi thân với mấy đứa cùng họ Lưu - thằng Thắng và thằng Tùng. Thắng sinh năm 1988, cùng tuổi, học mẫu giáo với tôi; còn Tùng thì kém một năm, nhỏ hơn. Sau này, cả bọn còn kết bạn thêm với thằng Quân, thằng Hưng.

Ở quê, người ta thường ghép tên con với tên bố cho dễ nhớ. Ví dụ, tôi tên Mạnh, bố tên Cảnh, thì người ta gọi là Mạnh Cảnh. Nghe tưởng lạ mà thân thương, chứ chẳng phải để chửi nhau đâu. Từ đó, những cái tên như Thắng Thiện, Tùng Tín, Quân Tín, Hưng Thu... lần lượt ra đời.

Nhà ba đưa gần nhau. Sáng nào cũng nghe tiếng mẹ gọi í ới từ đầu ngõ:

- Thắng ơi, đi chưa? Rủ thằng Mạnh đi chơi giúp chị với!

Thế là Thắng lại lon ton chạy sang, miệng cười toe:

- Đi thôi, chú Mạnh!

Tôi phì cười, đáp ngay:

- Tao mà chú gì, mày mới là chú tao đấy!

Chúng tôi cùng họ, nhưng trong họ Lưu, vai vế lộn xộn lắm. Theo vai, tôi phải gọi Thắng bằng chú, còn chị nó - cô Ninh - thì tôi vẫn quen gọi bằng cô. Nhưng với nó, tôi chưa bao giờ gọi như thế. Trẻ con mà, có biết lễ nghi gì đâu. Cứ “mày tao” cho nhanh, vậy mà lại thân.

Cô Ninh chơi thân với chị Nhung - hai người con gái khéo tay nhất xóm. Ai cũng bảo: “Nhung - Ninh may nón là nhanh như gió.” Có lần tôi ngồi xem, thấy bàn tay hai chị thoăn thoắt, lá nón bay lên như cánh bướm, còn tiếng cười của họ giòn tan hơn cả tiếng kéo chỉ. Trong cái xóm nhỏ nghèo ấy, tiếng cười làm mát cả buổi trưa hè oi nồng.

Ngày đầu tiên đến lớp, chị Nhung vẫn là người công tôi. Tôi ôm cổ chị, run run nhìn qua mái tóc rối nắng, thấy con đường dẫn đến trường như dài vô tận.

Cánh diều bay cao tít trên cánh đồng phía xa, như đang dang rộng đôi cánh chào đón một đứa trẻ lần đầu bước vào đời.

Đó là ngày đầu tiên đi học, một buổi sáng đã khắc vào trí nhớ tôi không thể phai mờ.

Hồi ấy, lớp mầm non và lớp Một của mỗi làng đều học chung một địa điểm. Lớp học mái ngói nhỏ, nằm bên con đường đất mộc mạc. Giữa đường, người ta xếp vài viên gạch vỡ để những ngày mưa bớt lầy lội - thứ “cầu” tạm bợ nhưng lại thân thương vô cùng.

Trước cửa lớp là một cây lim xiêu vẹo, thân nghiêng nghiêng như đang cúi đầu nhìn lũ trẻ mỗi buổi đến trường. Tôi cũng chẳng biết vì sao nó lại có dáng vẻ kỳ lạ ấy, chỉ nhớ rằng hình ảnh đó đã hằn sâu vào ký ức tuổi thơ tôi.

Còn bên trong lớp học... là cả một thế giới thần tiên. Những đứa trẻ xinh như búp bê, tóc cột nơ trắng, váy xanh áo vàng, chạy vòng quanh như những cơn gió nhỏ.

Tôi nhớ mãi, trong số đó có một cô bé tên Thanh, nhà ở tận cuối làng, con chú Minh, nên người ta gọi là Thanh Minh. Cô bé có mái tóc đen nhánh, váy trắng như mây, đôi mắt trong veo như giọt sương.

Tôi chẳng hiểu thế nào là “thích”, chỉ biết mình hay nhìn cô bé nhiều hơn mỗi khi cô cười. Sáng nào vắng cô, lòng lại buồn vu vơ. Có lẽ đó là cái kiểu thích trẻ con - nhẹ như hơi gió, nhanh như cơn mưa, mà lại in sâu trong trí nhớ đến kỳ lạ.

Một hôm, tôi kể với chị Nhung và cô Ninh:

- Hôm nay em thấy ở lớp có bạn Thanh xinh lắm!

Hai chị cười phá lên, trêu:

- Thế là Mạnh thích người ta rồi à?

Rồi chẳng hiểu thế nào, mấy hôm sau, cả xóm tổ chức cho tôi một “đám cưới trẻ con”.

Họ dựng rạp bằng mấy tàu lá chuối, cột bằng thanh tre khô. Hoa cưới là mấy bông cỏ dại ven đường, vòng đội đầu kết bằng lá gừng, còn khách dự là lũ trẻ quanh ngõ, mỗi đứa tay cầm một que củi giả làm pháo.

Chị Nhung làm “chủ hôn”, nghiêm trang tuyên bố:

- Chú rể Mạnh hôm nay lấy cô dâu Thanh, chúc hai người hạnh phúc trăm năm!

Tôi chẳng hiểu “trăm năm” là bao lâu, chỉ cười ngây ngô, tay cầm bông cỏ mà lòng vui khôn tả.

Còn cô dâu - dĩ nhiên chẳng có mặt - vẫn đâu đó trong trí tưởng tượng của một thằng bé khuyết tật đang ngồi giữa vòng cười của tuổi thơ.

Nhiều năm sau, khi lớn lên, tôi mới thấy cuộc đời có những sự trùng hợp kỳ lạ. Người con gái tôi cưới thật, sau bao năm đi qua khổ đau, cũng mang tên Thanh.

Có lẽ định mệnh đã viết trước tên người ấy vào ký ức tuổi thơ của tôi - bằng đám cưới với cỏ dại, lá chuối và tiếng cười của một buổi chiều vàng năm ấy.

Tuổi thơ tôi mở ra từ những điều nhỏ bé như thế: tiếng cười trẻ con, một cái tên được gọi khe khẽ, và cả sự yếu ớt đã theo tôi từ lúc cất tiếng khóc đầu tiên.

Nhìn lại, tôi thấy mình giống một mầm non gầy gò mọc lên giữa mùa đông khắc nghiệt. Nhưng dù chậm chạp, dù run rẩy, mầm ấy vẫn sống - nhờ hơi ấm của mẹ, bờ vai của chị, và những hàng xóm nơi làng quê bình dị đã nâng tôi qua từng đoạn đường.

Chương 2

.....

Bước chân chập chững và tấm ảnh định mệnh

Sau ba tháng nghỉ hè, làng tôi lại rộn lên tiếng trẻ con í ới gọi nhau đến trường.

Tôi khi ấy háo hức lắm, dù đôi chân vẫn yếu, tay vẫn run, nhưng lòng lại nóng như có lửa. Năm ấy, tôi sáu tuổi, vừa đủ lớn để hiểu rằng đời không chỉ có những buổi chơi dưới nắng.

Lên lớp Một, mọi thứ khác hẳn. Không còn hát hò, múa ca, mà bắt đầu là việc học thật sự.

Tôi gặp lại Thúy - cô bạn nhỏ năm mẫu giáo tôi từng để ý thoáng qua. Có lúc, Thúy mặc chiếc váy xanh biếc, lấp lánh như lá mạ non dưới nắng sớm; khi khác lại khoác lên mình bộ váy vàng nhạt khiến tôi không khỏi ngỡ ngàng. Trong trí nhớ non nớt của tôi khi ấy, cô bé còn được tô chút son hồng, má phơn phớt phấn, trông chẳng khác nào nàng công chúa bước ra từ truyện cổ tích.

Tôi - thằng bé khuyết tật, tay chân lóng ngóng - nhìn Thúy mà sưng cả người.

Tôi không còn xao xuyến vì Thanh nữa. Giờ tôi lại thích Thúy rồi - cái kiểu thích ngây ngô của lũ trẻ, dễ nhớ dễ quên, nhưng cũng đủ để khiến tôi cứ nhìn cô ấy suốt mấy hôm liền.

Rồi cuộc sống lại kéo tôi về với những điều quen thuộc.

Chị Nhung năm ấy đã lớn, cũng phải đi học nhiều hơn, không công tôi được nhiều nữa. Người công tôi đi học bây giờ là bố tôi.

Ông - người đàn ông tâm thần thất thường, lúc tỉnh lúc mê, đôi khi mắng chửi, đánh đập mẹ - vậy mà với con cái luôn dành tình yêu thương như bao người cha khác. Sáng nào cũng thế, khi trời còn mờ sương, ông công tôi băng qua con đường bùn lầy để tới trường.

Có lẽ, giữa những cơn điên đại tưởng như không còn gì níu giữ, tình thương dành cho tôi là khoảnh khắc tỉnh táo hiếm hoi còn sót lại của người cha ấy.

Những ngày đến trường đó cũng là lúc một ký ức khác bắt đầu.

Cũng trong quãng thời gian ấy, tôi nhớ có một lần mẹ cho tôi nghỉ một buổi học để lên Trung tâm Y tế huyện Thanh Oai.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được nhìn thấy nhiều người nước ngoài đến vậy, mà hồi đó chúng tôi quen miệng gọi là “Tây”. Cả một đoàn ô tô nối đuôi nhau trước cổng trung tâm.

Tôi níu tay mẹ, ngạc nhiên hỏi:

- Mẹ ơi, sao nhiều Tây thế?

Mẹ nói nhỏ:

- Các bác sĩ đẩy con. Một đoàn bác sĩ thiện nguyện từ Thụy Điển về thăm khám miễn phí cho trẻ em bị chấn thương, tật nguyền.

Tôi nghe mà ngơ ngác, chưa hình dung được gì ngoài chữ “Tây”.

Số người xếp hàng đông đến mức hai mẹ con phải chờ rất lâu mới đến lượt. Bọn trẻ, đứa nào cũng háo hức. Những nhà hảo tâm đi phát kẹo: mỗi đứa vài viên. Tôi cầm mà tròn mắt. Từ nhỏ đến giờ, tôi chỉ biết kẹo bột, kẹo kéo đã gọi là ngon, còn kẹo của người nước ngoài thì thơm mùi hoa quả, mềm và ngọt lạ lùng.

Rồi cũng đến lượt tôi.

Bác sĩ người Thụy Điển xem xét một hồi rồi lắc đầu nhẹ. Người phiên dịch nói:

- Bệnh của cháu không chữa khỏi được. Chỉ có thể tập luyện để tay khéo hơn. Lớn lên, cơ bắp mạnh hơn thì sẽ đỡ hơn chút.

Họ hướng dẫn tôi một bài tập nhỏ: lấy đầu ngón tay cái chạm lần lượt vào đầu từng ngón tay khác, tạo thành những vòng tròn li ti. Bài tập đơn giản, nhưng ngày ấy tôi xem như báu vật. Từ đó, thỉnh thoảng tôi vẫn âm thầm tập, cho tới tận bây giờ.

Khi hai mẹ con chuẩn bị ra về, tôi thấy một cô Tây đang cầm chiếc máy ảnh lạ lùng. Cô vừa bấm “tách” một cái thì ảnh lập tức hiện ra, cầm được trên tay ngay.

Tôi há hốc miệng. Trong đầu thằng bé mới sáu tuổi như tôi, đó chẳng khác gì phép màu. Người ta xúm lại xin cô chụp ảnh. Mẹ tôi tuy không biết tiếng, nhưng làm như mọi bà mẹ Việt khác: chỉ vào máy ảnh, rồi chỉ sang tôi. Cô Tây mỉm cười, hiểu ngay. Cô ra hiệu bảo tôi đứng thẳng, nở nụ cười.

“Tách.”

Một tấm bìa trắng lộ ra từ chiếc máy ảnh. Một mặt đen bóng. Chỉ vài chục giây sau, hình tôi hiện lên - rõ ràng, kỳ diệu. Hồi bé, tôi cứ nghĩ mãi: Sao mà Tây họ giỏi thế? Bấm một cái đã ra luôn... con người.

Lúc ấy, bố tôi bắt đầu phát bệnh nặng hơn. Những cơn tâm thần đến bất chợt, khiến bố lúc thì hiền như đất, lúc lại hóa người khác, đánh chửi mẹ không thương tiếc. Mẹ tôi vốn tính nhẫn nhịn, nhưng sức chịu đựng của một người đàn bà cũng có hạn. Những trận đòn nổi tiếp nhau, dồn dập đến mức mẹ không còn trụ nổi.

Có lần, mẹ gói vội mấy bộ quần áo, bế tôi về nhà bà ngoại ở tạm. Cậu Ngà và bà ngoại thương mẹ, nhường hẳn cho mẹ một gian nhà nhỏ. Nhưng đời mẹ đâu được yên lâu. Chưa bao lâu, bố tôi lại tìm đến. Ông đứng trước cửa nhà ngoại, tha thiết xin lỗi, nói ông hối hận, nói ông không còn ai ngoài mẹ.

Mẹ tôi vừa tủi, vừa thương, vừa sợ người ngoài điều tiếng, cuối cùng lại mềm lòng. Mẹ quay về. Nhưng khổ nỗi, những ngày bình yên chẳng được bao lâu. Bệnh của bố tái phát, rồi mẹ lại tiếp tục hứng chịu những trận đòn vô nghĩa.

Còn tôi, khi đó chỉ là đứa bé yếu ớt, sức lực chẳng khác nào một đứa trẻ bốn tuổi. Mỗi lần mẹ bị đánh, tôi chỉ biết đứng trong góc nhà, gọi mẹ trong tiếng khóc nghẹn: “Mẹ ơi...”

Tiếng kêu bé xíu, run rẩy, lọt thỏm giữa tiếng quát mắng và tiếng đồ đạc va đập. Tôi không thể chạy tới kéo mẹ ra. Không thể bảo vệ mẹ. Cũng không thể ôm mẹ mà che chắn.

Tôi chỉ biết đứng đó, hai chân run rẩy, như còng rạ trước gió. Đó là những ký ức đầu đời vừa mơ hồ vừa ám ảnh, những ngày mà tôi chỉ ước giá mình đủ khỏe để ôm mẹ thật chặt, để mẹ không phải khóc một mình.

Mẹ tôi tên Hồng - một người đàn bà cam chịu đến mức khó tin. Mà hình như ngày ấy, chuyện bỏ chồng đầu có dễ

như bây giờ. Người ta còn sống nặng mặt với họ hàng, làng xóm, nặng nề với những câu “đàn bà bỏ chồng”, “con theo ai”... Nghèo lại càng khó bước qua cánh cửa nhà chồng.

Nếu mẹ bỏ chồng nhưng mang theo cả chị Nhung và tôi, mẹ không đủ sức. Nếu chỉ bế theo chị Nhung mà bỏ lại tôi - một thằng bé tật nguyền, không tự tắm giặt nổi - thì đó là điều mẹ tôi tuyệt đối không làm được.

Ngày đó, người ta sống nhờ đồng ruộng, nuôi lợn, trồng rau. Sức khỏe mẹ tôi vốn yếu, làm một mình còn chật vật, nói gì đến việc gồng gánh cả hai đứa con nhỏ? Trong khi đó, bố tôi - dù bệnh tật, dù thường xuyên trút giận lên mẹ - nhưng với con, ông lại là một người cha trọn vẹn.

Ông đánh mẹ. Nhưng ông chưa bao giờ đánh tôi hay chị gái.

Một mặt bố tôi như ngọn lửa hoang dại thiêu đốt mọi thứ, mặt khác với tôi ông lại dịu dàng kỳ lạ.

Ông biết tôi thích chơi xe kéo bằng mo cau, thế là ông tự tay tước mo, dè dặt đặt tôi vào giữa, rồi vừa kéo vừa nói đùa cho tôi cười, kéo lê khắp sân đất như một đứa trẻ đang chơi trò “xe công nông”.

Ông bế tôi, cõng tôi mọi nơi, dẫu đáng đi có lúc không vững. Chỉ cần tôi bảo: “Bố ơi, con muốn...”, ông lại riu riu làm ngay, như thể việc đó giúp ông quên đi phần nào cơn giông bão trong đầu mình.

Và chính sự mâu thuẫn ấy - một người chồng hung bạo, một người cha dịu dàng - đã trói chặt mẹ tôi vào cuộc hôn nhân không lối thoát.

Mẹ ở lại vì chúng tôi. Vì tôi - thằng bé yếu ớt, cần người tắm giặt, cần được bế, được đỡ từng bước. Vì bố - một con người nửa tỉnh nửa mê, đáng sợ nhưng vẫn có những khoảnh khắc thương con rất thật lòng.

Đôi khi lớn lên rồi, nghĩ lại, tôi thấy cuộc đời mẹ giống như một sợi dây buộc giữa hai bờ vực: bên này là nỗi đau, bên kia là tình mẫu tử. Bước chân mẹ nghiêng bên nào cũng là rách nát.

Khi ấy, tôi tìm cách tự chữa lành những giọt nước mắt vì thương mẹ bằng những buổi đi xem phim. Là một điều, *Tây du ký* chiếu đi chiếu lại trên đủ kênh, xem bao nhiêu lần vẫn không chán. Chỉ có điều, muốn xem được thì không hề dễ.

Tivi nhà thằng Hưng - sinh trước tôi hai ngày - có dàn ăng-ten mạnh nhất xóm. Mỗi lần muốn xem *Tây du ký*, chúng tôi lại rủ nhau dò kênh, hết Hải Hưng đến Vĩnh Phú, hễ đài nào phát là ngồi dán mắt vào màn hình. Đam mê đến mức chỉ cần thấy Tôn Ngộ Không xuất hiện là quên hết mọi thứ xung quanh.

Còn xem bóng đá đêm thì lại là chuyện khác. Cả xóm hầu như chẳng nhà nào có tivi cho thức khuya, chỉ trừ nhà

Huấn Dũng. Chú Dũng - bố Huấn - cũng mê bóng đá, nên hễ có trận chung kết hay là cả xóm lại kéo đến, vừa xem vừa đoán đội thắng, rộn ràng như hội.

Mỗi nhà có một “luật” riêng: bố Hưng chỉ cho xem từ tám đến chín giờ tối; nhà Huấn thì chỉ mở tivi khi có trận lớn; còn ban ngày, muốn xem thoải mái nhất, chúng tôi lại phải sang nhà thằng Linh Hùng.

Đó là những kỷ niệm rất nhỏ thôi, nhưng đến giờ vẫn là những mảnh ghép tuổi thơ tôi nhớ nhất.

Tôi bị nói lắp theo kiểu “bị động” - nghĩa là khi nói chuyện với bạn bè thân thiết, hoặc trong những tình huống thoải mái, vui vẻ, thì tôi nói rất trôi chảy, chẳng khác gì người bình thường. Nhất là khi nói chuyện với bọn trẻ con, hoặc với những người tôi quá quen, những câu quen thuộc thì cứ tự nhiên bật ra, nhẹ nhàng như hơi thở.

Nhưng chỉ cần rơi vào tình huống khiến tôi phải “xin”, phải “nhờ”, hoặc phải nói ra điều gì khiến mình ngại ngùng... là y như rằng tôi lại lắp bắp, cứng đờ, nghẹn chữ đến mức đáng sợ.

Tôi sợ nhất là câu: “Xin cô cho em ra ngoài.” Mỗi lần muốn xin phép đi ra ngoài vì có việc, tôi đều phải đứng lên từ từ, hít vào thật sâu, trong đầu lặp đi lặp lại câu ấy cho thật thạo, như học thuộc lòng. Ấy vậy mà đến lúc mở miệng, hơi vẫn cứ vấp, chữ vẫn cứ đứt:

- E... e... em... xin cô... cho... ra ngoài... ạ...

Giọng run rẩy, mặt đỏ bừng, và tiếng cười rúc rích đầu đỏ như cửa vào lòng tôi. Có những lần tôi ước gì mình có thể chỉ cần giơ tay, hoặc đứng dậy và đi, không phải mở miệng nói câu ấy. Nhưng không được. Thành ra mỗi lần như vậy, tôi lại thấy mình nhỏ bé đi một chút.

Cái tật ấy bám tôi dai dẳng suốt tuổi thơ, như một lời nhắc rằng tôi khác với bạn bè - khác theo cách khiến tôi vừa tủi, vừa mặc cảm. Và nó theo tôi đến tận bây giờ. Dù lớn lên đã đỡ hơn nhiều, nhưng mỗi lần phải nói chuyện với người “bề trên”, hay rơi vào một tình huống không thoải mái, là cảm giác cũ lại quay về: lười tôi như dính chặt lại, giọng nói như bị ai bóp nghẹt.

Có lẽ nó không chỉ là tật nói lắp. Nó là một vết sẹo của tuổi thơ - một vết sẹo mà tôi học cách sống cùng, từng chút một.

Tôi học rất chậm. Tay cầm bút thì run, có khi cắn cả đầu bút khiến mực văng khắp vở.

Cô Hà - cô giáo lớp Một - hiền lắm, thấy tôi chậm chạp thì chỉ cười:

- Cố lên con, mỗi nét chữ là một bước đi mà.

Tôi viết chữ A, B, C như gió thổi nghiêng xiêu. Mỗi lần viết xong, tôi thấy bàn tay mình đau rát, mồ hôi rịn ra như vừa làm việc nặng. Còn giọng đọc thì ngọng, chữ vấp, câu

nào cũng dính vào nhau. Bạn bè đọc trơn tru, tôi thì cứ bập bõm “bấp... bấp... ngô...” mãi mới trọn một từ.

Thế mà hôm ấy, cô Hà mỉm cười, ghi điểm 10 thật tròn trịa vào vở tôi. Cái điểm 10 của thằng bé đọc bập bõm ấy, đến giờ tôi vẫn nhớ.

Mẹ tôi hứa: “Con mà được điểm 10, mẹ thưởng cho một nghìn.”

Hồi ấy, một nghìn đồng đối với tôi lớn lao chẳng khác gì kho báu. Chị Nhung đi móc mo tre, gai tre đâm toạc cả thịt vẫn khó mà gom đủ trong một buổi. Còn tôi, chỉ cần một điểm 10 là được mẹ quy đổi thành phần thưởng với tôi là rục rở vô cùng: một túi bỏng ống thơm mùi ngô rang, hoặc hai chục cái kẹo bột ngọt đến mức ăn nhòe cả miệng suốt mấy ngày.

Giá trị của một nghìn đồng ngày ấy không nằm ở số tiền, mà ở niềm vui trẻ con - trong trẻo, giản dị và đủ để làm sáng cả một buổi chiều.

Khi tôi chìa bài vở có ghi điểm 10 ra, mẹ bật cười, nước mắt long lanh:

- Giỏi quá, con trai của mẹ!

Rồi mẹ cho tôi đúng một nghìn, cuộn tròn trong tay. Tôi cầm chặt như kho báu. Chị Nhung nhìn tôi, nửa trêu nửa ghen:

- Em được 10 là có thưởng, còn chị được cả trăm con 10 mà chẳng ai cho gì!

Nhưng rồi chị lại cười, xoa đầu tôi:

- Thôi, phần thưởng của chị là em biết đi học là được rồi.

Hết năm lớp Một, cô Hà cho tôi lên lớp Hai. Nhưng mẹ lại xin cho tôi học lại. Mẹ bảo:

- Nó đọc được nhưng viết chưa ra chữ. Cho nó học lại cho chắc.

Cô Hà ngẫm nghĩ một lúc rồi gật đầu.

Tôi không hiểu vì sao mẹ làm vậy. Chỉ biết đó là quyết định đã thay đổi cả cuộc đời tôi.

Mười hai năm sau, khi cả nước cải cách giáo dục - thi chung một đề, học thật, thi thật - tôi mới thấy giá trị của “một năm học lại” lớn đến mức nào. Năm ấy, tôi vô tình tách khỏi nhóm bạn cũ - những đứa sinh năm Rồng - và bắt đầu một hành trình khác: lớp khác, bạn khác.

Còn ký ức về những đứa bạn năm 1988 thì vẫn nằm lại, như một bầu trời nhỏ, trong trẻo và không bao giờ phai.

Giữa hai lớp Một - chỉ cách nhau một năm - tôi thấy mình như người đứng giữa hai thế giới. Một bên là ký ức cũ: Thanh, Thúy, Thắng, những buổi bố công đi học. Một bên là thế giới mới, nơi mọi thứ thay đổi - kể cả chính tôi.

Và có lẽ, đó là lần đầu tiên tôi hiểu rằng: Đôi khi, chỉ một quyết định tưởng chừng nhỏ bé của người lớn cũng đủ khiến con đường đời của một đứa trẻ rẽ sang hướng khác. Và định mệnh, đôi khi bắt đầu từ những điều chẳng ai để tâm.

Nhìn lại những năm tháng ấy, tôi thấy mình giống như một mầm cây nhỏ bị gió thổi nghiêng ngay từ buổi đầu, nhưng vẫn cố bám vào đất mà lớn lên. Một lần bố cõng qua bùn lầy, một tấm ảnh “Tây” chụp giữa sân bệnh viện - những điều tưởng chừng vu vơ ấy lại âm thầm ghép nối thành hình hài tuổi thơ tôi.

Và giữa những đổi thay chập chững ấy, tôi bắt đầu hiểu rằng: Con đường đi học của tôi không giống ai, nhưng đó chính là con đường dành cho tôi.

Chương 3

.....

Hai lần lớp Một và những ám ảnh đầu đời

Năm ấy, tôi học lại lớp Một. Lần này, tôi bắt đầu tự đi học.

Cả lớp chỉ có mình tôi là “học sinh cũ” - thằng bé từng ngồi đúng chỗ này, nghe những bài này, nhìn cô giáo chỉ đúng những chữ cái này. Nhưng bạn mới, bàn mới, thậm chí cái bảng đen cũng vừa được sơn lại, khiến mọi thứ giống như bắt đầu lại từ đầu.

Lớp tôi có Tùng - con bác Tín ở đầu làng, cũng họ Lưu. Bác Tín và bố tôi từng học cùng thời. Người già kể rằng ngày xưa bác Tín sáng dạ, chữ đẹp; còn bố tôi chữ xấu nhưng được khen là “có khiếu văn chương”. Ấy vậy mà cuối cùng, cả hai đều trở thành nông dân - như thể số phận trêu đùa: những người từng học giỏi, sau cùng vẫn đứng chung trên một thửa ruộng.

Hai người đàn ông ấy - một người bị cuộc đời đánh gục, một người chọn sống bình lặng - giờ lại cùng dắt con đến trường mỗi sáng. Một khung cảnh giản dị mà chỉ ở làng quê tôi mới có thể thấy.

Tôi và Tùng ngồi cùng bàn. Nó khỏe mạnh, lanh lợi, da ngăm ngăm, nói năng như người lớn. Còn tôi thì gầy gò, đi xiêu bên này, vẹo bên kia, chân run, chữ xiêu vẹo, giọng nói ngọng nghịu. Hai đứa chia nhau học, như thể bù đắp cho nhau những gì còn thiếu.

Càng học, tôi càng để ý hơn đến những đứa trẻ quanh mình, và cách làng quê gọi tên từng phận người rất riêng.

Lần này học lại, mọi thứ trở nên dễ dàng đến lạ. Những phép tính 3+4 hay 9-5 chẳng khác gì trò đếm que củi. Chữ thì chỉ cần nhìn qua là nhớ. Những trang sách năm ngoái từng khiến tôi toát mồ hôi, nay chỉ là những bài học đã thuộc nằm lòng.

Tôi được điểm 10 suốt, những con số tròn trĩnh như những mặt trời nhỏ, đều đặn in trên trang vở, hết trang này đến trang khác. Nhưng không ai vỗ tay, không ai thưởng. Mẹ không còn hứa “một nghìn” như năm đầu nữa.

Chị Nhung nhìn những con 10 của tôi, chỉ cười:

- Thưởng gì nữa, em giỏi quen rồi mà.

Tôi cũng cười. Nhưng trong lòng có gì đó chùng xuống. Thì ra, niềm vui đôi khi không nằm ở điểm số, mà ở cảm giác được tin tưởng, được chờ đợi. Khi người ta quen mình giỏi, họ không thấy lạ nữa - còn tôi thì vẫn chỉ là thằng bé run run cầm bút, cố viết thật đẹp để mẹ vui.

Trong lớp, chỉ có Huệ - con chú Sâm - là được nhiều điểm 10 hơn tôi. Bọn trẻ khác vừa rời mẫu giáo, còn ngơ ngác với chữ nghĩa, làm sao đọc hiểu hay nhớ bài toán như tôi được.

Lũ con trai ở lớp có đủ kiểu tên ghép: Đồng Tô, Giang Mạnh, Tùng Khanh, Ninh Vĩ, Hải Trưng, Linh Khoa, Chính Thắng... Tên con gắn với tên bố - một thứ “ngôn ngữ” rất riêng của làng tôi, để chỉ nghe qua là biết ngay “con nhà ai”, “chi nào”, “nhánh nào”.

Ấy vậy mà trong đám trẻ con ấy, lại có ba đứa mang tên ghép theo mẹ: Linh Điệp, Khiêm Đảm và Hòa Nhiệm. Hồi nhỏ, tôi chẳng hiểu vì sao lại có kiểu gọi ngược đời như thế. Lớn lên rồi mới biết: ba người mẹ ấy đều thuộc kiểu đàn bà thép - mạnh mẽ, tháo vát, nói tiếng nào chắc tiếng ấy, đôi khi còn có uy hơn cả chồng.

Bác Nhiệm - mẹ của Hòa Nhiệm - là con bà Kim, chị gái ông ngoại tôi. Tôi tiếp xúc nhiều từ bé nên hiểu rất rõ: bác là người đàn bà mà chỉ cần đứng thẳng trước sân là đã thấy “khí chất” rồi. Trong những gia đình như thế, người đàn bà là trụ cột, gánh cả giông gió, là người đứng mũi chịu sào mỗi khi nhà có chuyện.

Tên con gắn với tên mẹ - nghe thì buồn cười, nhưng đó là dấu ấn của những mái nhà người phụ nữ là điểm tựa vững nhất, là người giữ vững cả gia đình trong những thời khắc khó khăn nhất.

Ngoài giờ học, tôi bắt đầu sống nhờ vào những khoảng thời gian theo chân chị.

Năm ấy, chị Nhung và cô Ninh chơi thân với chị Tuyết và chị Hiên - bốn người, trong xóm gọi đùa là “bộ tứ nguyên tử”. Tên nghe đã thấy... nguy hiểm rồi, mà đúng là các chị nghịch như nổ bom thật.

Các chị bày đủ trò: trèo lên bụi tre đầy gai để bứt mo bán cho người làm nón; chui vào khe bể nước bỏ hoang - cái khe hẹp chỉ trẻ con mới chui lọt - để nhặt mảnh thủy tinh bán đồng nát, tiền gom lại chia đều, rồi kéo nhau ra quán đầu ngõ mua kem mút.

Tôi lúc nào cũng lẻo đẻo theo sau chị Nhung - vừa vì chẳng có việc gì làm, vừa vì muốn “kê” cây kem. Ngày đó, chỉ cần được đi theo chị và cầm que kem lạnh tê môi là tôi đã thấy cả buổi chiều như sáng bừng lên.

“Bộ tứ nguyên tử” ấy còn có một “tài năng” đặc biệt: hái trộm. Táo, quýt, ổi... nhà nào sơ hở là các chị xin một quả trước, nếu không được thì... tự hái sau.

Có hôm nhóm đang trèo rào hái táo thì chủ nhà phát hiện, liền cầm chổi đuổi cả đám chạy rầm rập. Các chị chạy té khói, vừa ôm mấy quả táo trong áo vừa thở hổn hển, miệng vẫn cười khúc khích như vừa trải qua một cuộc phiêu lưu kỳ thú.

Ngày ấy, chỉ cần được đi theo sau họ thôi, tôi cũng thấy mình như được dự phần vào những bí mật lớn lao của tuổi thơ.

Từ dạo đó, chị Nhung hay ngủ ở nhà bạn bè - có lẽ vì thế mà chị tránh được nhiều lần phải nhìn bố đánh mẹ. Còn tôi - đứa em nhỏ chẳng biết trốn đi đâu - lại là người chứng kiến những cơn bạo lực ấy nhiều hơn.

Ngay đối diện nhà tôi là nhà bà Sức, nơi mỗi mùa hè lại có cô cháu ngoại về chơi - Hương, hơn tôi hai tuổi. Hương đẹp theo kiểu mộc mạc: gương mặt sáng, dáng người nhỏ nhắn, ăn mặc lúc nào cũng gọn gàng, sạch sẽ. Cả xóm như bừng lên mỗi khi cô xuất hiện.

Mỗi dịp nghỉ hè, Hương về ở hẳn ba tháng. Có lần cô sang nhà tôi chơi, tôi chẳng nhớ hai đứa nói gì, chỉ nhớ một thứ cảm giác rất lạ khi đứng gần cô: nửa bối rối, nửa thích thích, như có con gì chạy nhẹ qua trong người. Tuổi đó, tôi không biết gọi tên cảm xúc ấy là gì, chỉ biết mỗi lần Hương cười, mặt tôi lại nóng ran lên.

Rồi vài năm sau, Hương không về nữa, không ai nhắc đến, cũng chẳng ai biết lý do. Trong ký ức tôi chỉ còn lại

bóng một cô gái - lưng áo trắng, mái tóc kẹp gọn sau tai - nửa là chị, nửa là bạn. Mờ nhạt... mà kỳ lạ thay, lại chẳng thể quên.

Nhưng tuổi thơ không chỉ có những rung động trong veo như thế.

Có một chuyện đã ám ảnh suốt tuổi thơ tôi - cái chết thương tâm của bé Tường, em út nhà bác Tín.

Bác Tín và bác gái có ba đứa con trai: Tùng, Quân và bé út Tường. Tường lúc ấy mới bảy tháng, trắng trẻo, kháu khỉnh. Tùng - bạn tôi - hay cõng em đi chơi. Hồi đó, bọn trẻ chúng tôi mê chương trình *Trò chơi liên tỉnh* trên kênh VTV3 do chú Lại Văn Sâm dẫn. Chương trình chiếu lúc ba giờ chiều, mà nhà cô chú Chúc - Lữ chỉ mở tivi buổi tối, nên cả bọn rủ nhau sang nhà Linh Hùng ở xóm Man để xem.

Hơn chục đứa trẻ ngồi chen chúc trong nhà ấy: mấy đứa lớn như chị tôi thì vừa xem vừa may nón, còn đám nhỏ như tôi với Tùng thì dán mắt vào màn hình, chẳng để ý gì ngoài tiếng reo hò trong tivi.

Không ai biết vì sao, giữa lúc cả bọn đang mải mê xem, bé Tường lại bò được ra tận bờ mương sau nhà.

Khoảng hai mươi phút sau, chú Sơn đi làm đồng về, tiện nước mương nên rửa chân. Vừa đặt chân xuống, chú thấy có gì vương vương, nhìn lại - là xác bé Tường.

Trong nhà, Linh hoảng hốt tắt tivi. Tôi còn nhỏ, chẳng hiểu gì, chỉ thấy tiếc vì bị tắt mất chương trình đang xem. Đến khi nghe tiếng kêu la, tôi chạy ra theo mọi người, và cảnh tượng trước mắt khiến tôi sững sờ:

Bé Tường nằm bất động, người tím tái, bụng căng nước. Mọi người cố gắng cứu, nhưng tất cả đều vô vọng.

Không ai hiểu vì sao một đứa trẻ bảy tháng có thể bò từ trong nhà ra bờ mương, vượt qua cả cái bậc hè vốn khá cao. Cũng không lý giải được vì sao hơn chục đứa trẻ, trong đó có cả những đứa đã lớn, lại không nhận ra bé biến mất suốt hai mươi phút.

Cái chết của Tường bất ngờ, bí ẩn, đau thương đến lạnh người. Một nỗi ám ảnh mà đến giờ tôi vẫn nhớ nguyên vẹn.

Và cũng từ những năm ấy, tôi bắt đầu nhìn thấy rõ hơn một nỗi bất an khác trong nhà mình.

Bố tôi, với căn bệnh luôn khiến ông sống trong những ảo tưởng về tài năng của mình, thi thoảng lại lao vào những “phát minh” dự báo thời tiết. Ông ghi chép tỉ mỉ lắm: chuẩn chuẩn bay thấp trời mưa, bay cao trời nắng, bay vừa trời râm; măng tre mọc kiểu này là gió hướng nọ... Những thứ vốn chỉ là kinh nghiệm dân gian truyền miệng, ông lại tin mình đã phát hiện ra điều gì đó lớn lao.

Rồi ông gom giấy tờ, bỏ vào túi nilon, khăn gói bắt xe lên Hà Nội. Ông đến hẳn số 1 Mai Xuân Thưởng - nơi tiếp dân - để nộp “công trình nghiên cứu” của mình.

Có một lần, hình như người ta cũng cử người về nhà tôi xem xét, đánh giá bố thật. Nhưng rồi họ đi, chẳng hỏi âm gì nữa. Bố thì không bỏ cuộc. Năm nào ông cũng đi một lần, cứ như định kỳ.

Làng tôi thời ấy nghèo lắm. Cả làng có mấy ai lên Hà Nội bao giờ, trừ khi có việc lớn. Thế mà bố tôi - một người chẳng có tiền, chẳng có điều kiện - lại đi như đi chợ. Mọi người trong làng chỉ biết lắc đầu, nghĩ bố đi vu vơ cho đỡ bí bách. Nhưng với tôi, mỗi chuyến đi ấy là cả một hành trình cơ cực.

Ngày ấy, bố bắt chuyến xe từ Kim Bài ra Hà Đông - xe khách thì cũng chẳng ra xe khách, chỉ là chiếc xe ba bánh cải hoán, hai hàng ghế dài để người ta ngồi, vé đầu đó chừng ba nghìn đồng. Từ Hà Đông, bố bắt tiếp tuyến xe buýt “huyền thoại”: Hà Đông - Bờ Hồ, một tuyến xe cũ quen thuộc của Hà Nội ngày ấy.

Mẹ cẩn thận nhét cho bố đúng hai mươi nghìn vào túi áo. Số tiền ấy, với nhà tôi lúc đó, lớn lắm. Nhưng khổ nỗi, hầu như chỉ đủ chi cho tiền xe hai chiều, thêm cái bánh mì và cốc nước chè. Toàn bộ quãng đường từ Bờ Hồ đến Mai Xuân Thưởng, bố đều phải đi bộ. Có mấy ai đi được kiểu ấy đâu - đi bộ từ chỗ này sang chỗ khác giữa Hà Nội rộng

lớn, mà cả đời bố chỉ quen ruộng đồng, con đường làng heo hút.

Tôi còn nhớ một lần, bố về tới nhà lúc ba giờ sáng. Người ông mệt lả, chân tay bủn rủn, mặt bàng hoàng như người vừa trải qua một cơn hoạn nạn.

Mẹ hỏi, bố thở dài:

- Đánh rơi tiền ở giữa Bờ Hồ... Không có tiền đi xe, nên phải đi bộ suốt đêm.

Nghĩ mà thấy ghen. Một người đàn ông khốn khó, vừa ốm yếu, vừa mang bệnh tâm lý, thời ấy, người ta hiếm khi cho nhau tiền, bố lại phải lê bước từ Hà Nội về quê chỉ với một cốc nước chè xin được của bà bán nước.

Tôi nghe bố kể mà trong lòng chông lên cảm giác thương xót, xen lẫn không hiểu nổi: Vì sao bố phải đi tới mức ấy? Vì sao năm nào cũng nhất định phải đi?

Thằng bé là tôi ngày ấy không trả lời được. Giờ lớn lên rồi, đôi khi nghĩ lại, tôi mới hiểu: đó không chỉ là ảo tưởng của một người bệnh, mà còn là khát vọng được công nhận, được lắng nghe - dù chỉ một lần trong đời.

Năm lớp Một lần thứ hai ấy, tôi vừa học lại bảng chữ cái, vừa học thêm một điều: đời sống không chỉ có niềm vui, mà còn có những vệt buồn nhỏ, âm thầm khắc vào trí nhớ, không bao giờ phai.

Chương 4

.....

Chuyến đi Bồ Hồ và nỗi lòng người yếu thế

Khi kỳ nghỉ hè gần kết thúc, sắp bước vào năm học mới, mấy bạn thân của chị Nhung trong xóm rủ nhau sang ngủ ở nhà tôi. Nghe họ nói chuyện, tôi mới biết: ai cũng háo hức muốn đi Hà Nội một lần cho biết. Người lớn trong xóm vẫn kháo nhau rằng bố tôi - ông Cảnh - năm nào cũng “ra Hà Nội chơi”, nên mấy chị bàn với nhau:

- Hay là xin bác Cảnh dẫn bọn mình đi xem Hà Nội một lần?

Tôi và chị Nhung nghe vậy thì hí hửng mong chờ. Tôi tuy từng theo mẹ ra Hà Nội năm ba, bốn tuổi, nhưng ký ức chỉ lơ mờ, đa phần dựa theo lời kể của mẹ. Còn với chị Nhung và mấy chị bạn, Hà Nội lúc ấy là một thế giới vừa gần vừa xa - nơi có Lăng Bác, có Vườn bách thú, có Hồ Gươm lung linh trong sách giáo khoa, nhưng chưa ai được đặt chân đến bao giờ.

Bố tôi đồng ý dẫn bọn trẻ đi. Tất nhiên, kinh phí đi lại, ăn uống thì... “nhà nào lo nhà ấy”. Bố tôi chỉ đảm nhiệm chuyện dẫn đường thôi. Hồi ấy vé xe trẻ em rẻ bằng một nửa vé người lớn, nên bố mẹ các chị chắc cũng nghĩ: cho con đi một chuyến cho biết.

Trước khi đi, mẹ cố nhét vào túi áo bố bốn mươi nghìn đồng - số tiền lớn với nhà tôi thời ấy. Còn bọn trẻ, mỗi đứa chắc mang theo khoảng mười đến hai mươi nghìn. Tôi không rõ lắm, chỉ biết tiền vé xe cũng đã chiếm kha khá.

Lúc đầu, cả bọn vui lắm. Lên đến Bờ Hồ, ai nấy đều háo hức như lạc vào một xứ sở mới.

Nhưng ngay sau đó... cái mỗi chân bắt đầu kéo đến.

Bố tôi quen đi bộ, lại đã đi con đường ấy hàng chục lần, nên bước rất nhanh. Còn bọn trẻ như chúng tôi, đi được một lúc là mệt rã rời. Đi ngang qua bao nhiêu hàng quà, đồ ăn thơm phức, mà đứa nào cũng chỉ dám nhìn, không dám mua. Thứ duy nhất dám mua là... bánh mì. Có chị còn mang cơm nắm từ nhà đi.

Cuối cùng, chẳng đứa nào chịu nổi nữa. Thế là cả hội xúm lại góp tiền thuê một chiếc xích lô - chỉ một lần duy nhất trong ngày - để “giải cứu đôi chân”. Riêng tôi, không có chiếc xích lô ấy chắc cũng... chịu thua, không đi nổi thêm bước nào.

Xích lô đi được một đoạn, rồi lại phải xuống. Bố tôi bảo:

- Chỉ thuê một lần thôi, còn lại phải đi bộ!

Thế là cả bọn lại lê chân suốt buổi chiều cho đến tận lúc quay về bến xe.

Trên đường về, nóng nực, mệt rã rời, cả nhóm trông thấy một quán chè đá bên lề đường. Ở quê tôi, chè đá - tức chè đậu đen, đậu xanh, thêm đường, thêm bột sắn - chỉ một nghìn đồng một cốc. Thế nên cả hội đứng tần ngần hỏi thử:

- Cô ơi, một cốc bao nhiêu ạ?

Bà chủ nói ngay:

- Năm trăm đồng!

Cả bọn như bắt được vàng. Ở quê một nghìn đã gọi là rẻ, còn đây... chỉ năm trăm! Ai cũng háo hức gọi chè. Chỉ có Hiên là không dám gọi, bố tôi thương nên gọi hai cốc cho hai chị em tôi.

Tôi hồi hộp chờ cốc chè đá mát lạnh trong tưởng tượng. Nhưng khi bà chủ cho đá vào cốc rồi rót vào thứ nước màu nâu nhạt - mùi thơm ngai ngái, không hề có đỗ, không bột sắn - chúng tôi mới hiểu ra: đó là... chè Thái Nguyên pha đá.

Không phải chè đậu thập cẩm như quê tôi vẫn bán. Cả hội vỡ mộng trong tích tắc. Lũ trẻ chúng tôi cũng “cự nự” vài câu, nhưng bà chủ chỉ cười:

- Chè thập cẩm ấy hả? Ở đây ba nghìn một cốc! Làm gì có giá năm trăm!

Thế là cả bọn đành ngậm ngùi uống thứ chè đá “ngộ nhận” ấy cho xong.

Khi trở về, chân đứa nào cũng mỏi đến mức muốn rụng rời, nhưng trong lòng lại đầy ắp niềm vui rất trẻ con. Cho đến tận bây giờ, mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn nhớ như in chuyến đi Hà Nội năm ấy - chuyến đi mà bố tôi dẫn đường, còn chúng tôi thì đi bộ cả ngày, vừa cực vừa vui, vừa ngây thơ vừa đáng nhớ.

Một chuyến đi đầu đời. Một kỷ ức chẳng bao giờ quên.

Nhưng kỳ nghỉ hè rồi cũng khép lại, và tôi lại trở về với con đường quen thuộc của mình.

Từ lớp Hai, chúng tôi phải học nhờ ở ngôi đình làng bên. Lớp mới có thêm vài bạn, còn giáo viên chủ nhiệm là cô Hằng - người phụ nữ hiền đến mức giọng nói cũng nhẹ như gió thoảng. Mãi sau này tôi mới biết, cô chính là mẹ của Thúy - cô bạn nhỏ năm lớp Một từng khiến tôi ngẩn ngơ chỉ vì chiếc váy vàng nhạt.

Con đường nối hai làng nghèo chạy qua những luống ngô xanh mướt, một bên là ruộng nước lấp lóa buổi sớm, một bên là rặng tre già đứng thì thầm với gió. Mỗi sáng, tôi lại bước những bước xiêu vẹo trên con đường đó,

tay ôm cặp, vai nghiêng như sắp ngã, vậy mà thật lạ, chẳng bao giờ ngã hẳn. Được tự đi học là niềm vui lớn của tôi: cái vui của đứa trẻ tột nguyên lần đầu tự bước vào một thế giới khác.

Tôi đi một mình, chậm chạp nhưng kiên nhẫn. Những hôm mưa, đường trơn như mỡ, chân tôi khuyu xuống, tay lấm lem đất, áo quần ướt sũng. Vậy mà lòng vẫn vui, bởi mình đã không còn phải cậy nhờ ai.

Nhưng niềm vui ấy không kéo dài mãi trong những giờ học.

Lên lớp Hai, việc học đổi khác. Những chữ cái đã ghép thành câu, những câu lại nối thành đoạn. Còn những con số không dừng ở phép cộng trừ đơn giản, mà bắt đầu có hàng chục, hàng trăm, rồi nhân chia.

Tôi viết chậm lắm. Khi bạn bè chép được nửa trang, tôi chỉ viết xong hai dòng. Chữ tôi cong queo, xiêu vẹo như cây tre bị gió bẻ. Cô Hằng nhìn, thở dài rồi mỉm cười:

- Không sao đâu, Mạnh à. Miễn là con cố gắng.

Môn Chính tả là nỗi sợ lớn nhất của tôi. Mỗi lần cô đọc, tôi cố viết thật nhanh nhưng tay chẳng theo kịp tai. Ngẩng lên, cả lớp đã sang dòng mới. Những lỗi đồ chẳng chịt trong vở như những vết cứa nhỏ trong lòng đứa trẻ từng được khen thông minh.

Từ đó, tôi không còn được điểm 10 nữa. Những điểm 10 tròn trĩnh ngày xưa biến mất, thay vào đó là chữ “Trung bình” khiêm tốn. Tôi vẫn làm toán giỏi - tính nhanh, nhầm chính xác - nhưng những bài văn, bài chép khiến tôi chật vật, như thể tốc độ của thế giới không dành cho đôi tay run run của tôi.

Những ngày ấy, lớp tôi có Cúc - cô bạn nhỏ nhắn, xinh xắn, học giỏi và hay cười. Tôi thích Cúc, nhưng cái thích ấy khác cảm giác với Thanh, với Thúy. Và ngồi cạnh tôi suốt hai năm lớp Hai, lớp Ba là một cô bạn hiền lành, tốt bụng lắm. Đến giờ tôi vẫn không nhớ rõ cô là ai, chỉ nhớ cảm giác: có ai đó luôn chờ để chép bài toán của mình - và đôi khi điểm của cô lại cao hơn tôi một chút. Với tôi, từng ấy cũng đủ để thấy ấm lòng.

Còn ngoài lớp học, thế giới gia đình lại là một câu chuyện khác.

Cũng thời gian ấy, ông nội tôi mua chiếc tivi màu Daewoo 14 inch - cái tivi nhỏ thôi nhưng hồi đó giá trị bằng cả hai tấn thóc, thậm chí bằng một con trâu, chắc cũng bằng cả gia tài của một gia đình nông thôn.

Ông nội là người sống kham khổ, tiết kiệm từng đồng, cũng rất thực dụng. Người ta bảo ai thương con cháu thì thương đứa khổ nhất, như thể nó gánh phần nghiệp cho cả

nhà. Nhưng ông thì khác: ông cho rằng bố tôi chẳng giúp được gì, nên trong chuyện chia đất, dựng nhà, ông thẳng tay, không chút nể nang.

Ông không thích bố tôi, và lẽ tự nhiên, cũng chẳng mấy thương tôi. Nhưng ông không hắt hủi. Buổi tối hai ông cháu xem tivi, ông vẫn hỏi tôi vài câu bâng quơ, đôi khi bật cười theo chương trình. Ông ngoại mất trước khi tôi sinh, nên hình ảnh về một người ông trong tôi chỉ có ông nội - vừa kính trọng, vừa tủi thân.

Ông có tiền, nhưng nhà tôi thiếu thốn, vay thúng gạo cũng khó. Trong khi người họ hàng xa hỏi vay, ông lại sẵn sàng cho vay cả năm trời. Sau này, tôi mới hiểu: ông tin người ngoài vay thì còn có ngày trả; con cháu vay thì coi như mất. Còn bố tôi thì nghĩ khác: ông thà giúp người đừng hơn đỡ đần con cháu ruột. Con người đôi khi khó hiểu là vậy.

Dẫu thế, trong lòng tôi, ông vẫn là người đáng kính. Tuổi thơ tôi gắn bó với ông và bên nội: cô Loan, cô Nga, cô Minh, cô Nguyệt. Bố tôi còn có hai anh chị: bác Hoàn - anh cả, và bác Hà - chị thứ hai. Nghĩ cũng lạ, ghép hai cái tên “Hoàn - Cảnh” nghe như một sự sắp đặt của số phận.

Người được ông thương nhất là chú Khanh - em kế bố. Chú giống ông ở sự thực dụng, nhưng điều khiến tôi nể là: chú chưa bao giờ chê bố tôi, càng không đem chuyện nhà tôi đi kể. Chỉ riêng điều ấy thôi cũng đủ khiến tôi biết ơn.

Nhà tôi ở ngay bên cạnh nhà ông nội, chẳng có ranh giới gì rõ ràng. Tôi vẫn đi lại giữa hai nhà như một, chỉ trừ mỗi bữa ăn là phải về, vì mẹ luôn dặn:

- Khi nào ông và các cô ăn cơm, con phải về nhà nhé.

Tôi gần như chưa bao giờ ăn cùng ông, trừ đôi lần hiếm hoi khi bác Hoàn về. Có thể vì định kiến, có thể vì thói quen, mà giữa tôi với ông luôn có một khoảng cách vô hình.

Thỉnh thoảng, nhìn sang nhà hàng xóm, tôi lại thấy ông Phương quý thẳng Hưng Thu - cháu đích tôn của ông - như vàng. Có gì ngon cũng gọi cháu sang ăn, dạy nó từng chút, chốc chốc lại sang nói chuyện, xoa đầu, chỉ bảo. Tôi nhìn mà thêm cái cảm giác ấy, cảm giác được yêu thương, được xem như một phần của niềm tự hào gia đình.

Từ bé, cứ mỗi lần đi chùa về, bà ngoại tôi lại được chia vài cái oản gạo nếp. Bà luôn cắt nhỏ, chia cho mỗi đứa cháu một góc. Rồi bà lặng lẽ đi bộ lên nhà tôi, nhưng chẳng bao giờ dám bước vào, vì sợ bố tôi.

Trong đầu bố khi ấy vẫn ngổn ngang những ý nghĩ hoang tưởng. Ông sợ bà ngoại sẽ hại gia đình mình. Thế nên, mỗi lần muốn gặp tôi, bà phải nhờ Tùng - thẳng bạn cùng xóm - gọi giúp:

- Tùng ơi, con gọi Mạnh ra đây bà nhờ chút!

Tùng lại gọi to:

- Mạnh ơi, ra đây chơi!

Tôi chạy ra, còn chưa hiểu chuyện gì, bà đã dúi vào tay tôi nửa cái oản, nói khẽ:

- Ăn đi con, oản lộc chùa đấy.

Rồi bà đi vội, dáng lưng còng khuất dần cuối ngõ. Tôi đứng nhìn mà nghèn nghẹn. Một nửa cái oản, sao nặng trĩu thương yêu đến vậy? Giống hệt hai bà cháu đang làm điều gì lén lút, trong khi chỉ là một lần bà thăm cháu.

Tôi mang vào bếp, thì thầm gọi chị Nhung. Hai chị em bẻ đôi nửa cái oản nếp ấy, vừa ăn vừa tấm tắc khen:

- Oản lộc chùa ngon thật đấy!

Trong suy nghĩ của bố, bất cứ thứ gì có giá trị - dù là từ người thân hay người ngoài - ông cũng không bao giờ nhận. Có lẽ vì ngày trước, ông từng vay mà không được giúp, nên về sau quyết không nhận của ai điều gì nữa.

Ngày đó, tôi rất sợ Tết.

Với mọi người, Tết là ngày vui, được đi chợ, được mặc áo mới, được ăn những món đặc biệt cả năm chẳng mấy khi có. Mẹ tôi cũng cố tạo cho tôi một cái Tết như thế, dù nhà nghèo đến mấy.

Ngày 28 Tết, mẹ đưa tôi đi chợ Quán. Đó là kỷ ức đẹp nhất mà tuổi thơ tôi giữ được về những ngày cuối năm.

Mẹ đặt tôi ngồi một bên chiếc thúng, bên còn lại đựng thóc, để hai bên cân nhau. Lên đến chợ, mẹ bán thóc lấy tiền, rồi mua đủ thứ cho mâm ngũ quả: chuối, quýt, mấy hộp mứt, ít đồ lễ chùa.

Rồi mẹ mua đồ ăn dự trữ: su hào, bắp cải, miến, nem, một hai cân thịt. Cuối cùng là phần quà nhỏ nhất nhưng luôn làm tôi vui nhất: một cái bánh rán ăn tại chợ, một chiếc bánh khúc nóng, một khẩu súng phun nước và thanh kiếm nhựa - mỗi thứ một nghìn đồng, nhưng với tôi, đó là cả một bầu trời mơ ước. Tết mới được mua những thứ ấy.

Nhưng càng đến gần giao thừa, nỗi sợ trong tôi càng lớn.

Đêm 29 đã bắt đầu căng thẳng.

Đêm 30 thì gần như chắc chắn nhà tôi sẽ có chuyện.

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu rõ chứng bệnh tâm thần của bố thuộc loại gì. Chỉ biết rằng ngày thường, mẹ còn có thể chạy sang hàng xóm hoặc lên nhà bà ngoại trốn những trận chửi bới, đánh đập.

Nhưng Tết thì khác.

Tết là lúc nhà người ta đang vui, đang bận sửa soạn, đang quây quần đầm ấm. Ai lại đi gõ cửa hàng xóm lúc họ đang đón năm mới, trong sự khóc lóc tủi hổ như thế?

Có lẽ chính bố tôi cũng... biết điều đó. Biết mẹ tôi không thể chạy đi đâu. Biết những ngày Tết dễ làm người ta bị cô lập nhất. Nên ông lại càng lên cơn.

Trong khi ngoài kia tiếng cười nói rộn rã, nhà tôi chỉ có tiếng gào khóc. Cảnh tượng ấy năm nào cũng lặp lại, đến mức tôi thấy giao thừa như một cái hố đen kéo cả nhà chìm xuống.

Những nhà nghèo khác có thể thiếu ăn, thiếu mặc, nhưng họ vẫn có tiếng cười. Còn nhà tôi, tiếng cười và tiếng khóc trộn lẫn vào nhau, như hai vệt màu không bao giờ chịu hòa thuận.

Tôi lớn lên bằng những cái Tết như thế: ngoài hiên pháo lác đác nổ (hồi ấy còn được đốt), trong nhà nước mắt mẹ lăn dài trên má, còn tôi ngồi co ro cạnh bếp, cố nuốt nỗi lo sợ vào lòng như nuốt một hòn than nóng rực.

Những ám ảnh ấy theo tôi sang cả những ngày đi học.

Học lớp Ba, tôi gặp một chuyện đến giờ vẫn thấy khó hiểu. Một buổi chiều ra chơi, có một anh lớp trên tiến lại gần, mặt cau có:

- Mày ăn trộm gà nhà tao. Tao trông thấy mày bắt rồi chạy.

Tôi sưng sờ:

- Em không bắt đâu ạ...

Với một đứa tật nguyền như tôi, ngay cả việc cầm con gà còn khó, nói gì đến chuyện bắt rồi chạy thoát khỏi mắt người khác. Vậy mà anh ta vẫn khẳng khẳng điều đó.

Cô giáo đi ra, nhìn tôi rồi nói nhẹ:

- Em nhìn xem, người nó thế này thì sao bắt được gà?

Anh ta lẩm bẩm rồi bỏ đi, nhưng mỗi lần gặp vẫn ném cho tôi ánh nhìn nghi ngờ.

Tôi chỉ thấy buồn nhiều hơn giận. Nếu anh ta nhầm, tôi chẳng trách. Nhưng nếu là vu oan... thì tôi lại càng không hiểu: người ta vu oan cho tôi để làm gì?

Trong khi tôi loay hoay với chữ nghĩa, chị Nhung đã trở thành ngôi sao sáng của trường. Học sinh giỏi khối Sáu rồi khối Bảy, năm nào cũng được tuyên dương giữa sân trường. Giấy khen, bằng khen xếp chồng như núi, treo kín cả góc nhà.

Mỗi lần có khách, mẹ lại tự hào:

- Con gái tôi đấy, học giỏi nhất trường!

Tôi ngồi ở góc nhà, lặng lẽ mỉm cười. Tôi thương chị, tự hào lắm. Nhưng sâu trong lòng vẫn có chút gì đó là lạ, cảm giác như mình nhỏ bé, kém cỏi, lạc lõng ngay trong căn nhà của chính mình.

Từ lớp Hai rồi sang lớp Ba, tôi vẫn đi học đều đặn. Vẫn “Hạnh kiểm Tốt”, vẫn “Học lực Trung bình”. Sáng nào cũng vậy, tôi lại đi một mình qua con đường đất, hai bên là những bụi cây rậm rạp, lá sương ướt lạnh.

Chỉ khác là: mỗi bước chân, tôi hiểu mình không chỉ đi đến trường, mà đang tập đi qua đời.

Có những năm tháng tưởng như trôi qua rất bình thường: một lớp học nhờ trong ngôi đình cũ, một cô giáo hiền như gió sớm, con đường đất mỗi sáng, vài nửa cái oản chùa, những điểm trung bình và cả những oan khuất trẻ con. Nhưng chính những điều bình dị ấy lại lặng lẽ bồi đắp nên phần sâu nhất trong tuổi thơ tôi.

Tôi không giỏi giang như chị, không khỏe mạnh như bạn bè, cũng chẳng may mắn được yêu thương trọn vẹn. Nhưng giữa những thiếu hụt ấy, tôi học được cách đứng lên bằng đôi chân yếu ớt của mình, học được cách bước từng bước một - dù run rẩy, nhưng vẫn hướng về phía trước.

Và có lẽ, chính từ những năm tháng ấy, tôi biết rằng: mỗi đứa trẻ đều có một con đường riêng, còn tôi thì bắt đầu hành trình của mình bằng những bước đi xiêu vẹo nhưng không bao giờ chịu ngã.